

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Hòa
2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Anh Bùi Văn T; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày 16/12/2014. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn tới đánh đập lẫn nhau. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 26/5/2015 và Bùi Đăng K, sinh ngày 05/7/2017. Từ khi vợ chồng ly thân, các cháu luôn ở với

chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/3/2022, anh Bùi Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày 16/12/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 26/5/2015 và Bùi Đăng K, sinh ngày 05/7/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì các cháu vẫn ở với mẹ. Ly hôn, anh T đề nghị được giao cả hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T được ly hôn; Về con chung: Giao hai cháu Bùi Anh T, sinh ngày 26/5/2015 và Bùi Đăng K, sinh ngày 05/7/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T xin được vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị H và anh T đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[5]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày 16/12/2014 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ. Chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị H và anh T đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị H và anh T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T được ly hôn.

[6] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung. Ly hôn, cả chị H và anh T đều yêu cầu giao cả hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì các cháu luôn ở với chị H. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H và anh T. Giao cả hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[7]. Về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai cháu Bùi Anh T, sinh ngày 26/5/2015 và Bùi Đăng K, sinh ngày 05/7/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007584 ngày 21/3/2022, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn T. Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**